

Giáo dục-đào tạo với phát triển nguồn nhân lực của Hàn Quốc và những gợi mở cho VN

GS.TS. CHU VĂN CẤP

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

THS. TRẦN NGỌC TÌNH

Trường Trung học phổ thông Việt - Trung

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, từ một nước nông nghiệp lạc hậu, với chiến lược công nghiệp hóa (CNH) nhanh hướng và xuất khẩu; coi trọng sự phát triển giáo dục ở tất cả các cấp nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, Hàn Quốc đã vươn lên là nước công nghiệp mới vào những năm 1980. Đến nay Hàn Quốc là 1 trong những nước kinh tế phát triển thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Để thực hiện mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại (CNHD), theo định hướng XHCN, thì đòi hỏi VN phải nghiên cứu giải quyết nhiều vấn đề và học hỏi kinh nghiệm của những nước có nhiều điểm tương đồng, trong đó có Hàn Quốc. Bài viết đề cập đến khái niệm và tiêu chí cơ bản của nước công nghiệp hiện đại và trình bày vấn đề giáo dục - đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nước CNHD của Hàn Quốc và từ đó rút ra những gợi mở cho VN.

Từ khóa: *Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nước công nghiệp hiện đại, nước kinh tế phát triển.*

1. Nước công nghiệp hiện đại và yêu cầu về nguồn nhân lực

Theo Từ điển Bách khoa mở Wikipedia tiếng Việt: “Nước công nghiệp hiện đại (NCNHĐ) là nước có tỷ lệ GDP từ các hoạt động công nghiệp cao hơn một ngưỡng nhất định. Điều này có nghĩa là các nước nông nghiệp muốn thực hiện CNH phải tập trung vào phát triển công nghiệp. Các nước công nghiệp cũng thường có chỉ số phát triển con người (HDI) vào loại cao, các nước này còn được gọi là các nước phát triển, nước tiên tiến hay các nước thuộc thế giới thứ nhất (Theo WB, nước thuộc “Thế giới thứ nhất” là nước đã công nghiệp hóa, GDP/người/năm đạt trên 9.386USD, và đạt các tiêu chí về

phát triển công nghệ, kinh tế-xã hội, có khả năng viện trợ cho nước ngoài).

Từ điển này cũng giải thích: Nước công nghiệp mới (Newly Industrialized Country – NIC, là cụm từ dùng để chỉ một nước mới CNH. Đây là các nước chưa đạt được trình độ tiến bộ kinh tế - xã hội như các nước thuộc thế giới thứ nhất, nhưng có sự phát triển vượt trội so với các nước đang phát triển thuộc thế giới thứ ba. Đó là bốn nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới, thế hệ thứ nhất (thập niên 1970) để phân biệt với các nước CNH đi sau: Hồng Kông (khi đó là thuộc địa của Anh, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan.

Thực tế của các NIC cho thấy

tiêu chí các nước công nghiệp hóa hiện đại gồm có 2 nhóm chính:

(i) Các chỉ tiêu phản ánh trình độ phát triển kinh tế, gồm:

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tính bình quân đầu người, theo phân loại của WB là trên 9.000USD/người/năm (theo giá hiện hành năm 2012/2013) và cơ cấu ngành kinh tế, với các tỷ trọng như sau: nông nghiệp chiếm dưới 10% GDP, khu vực công nghiệp chiếm khoảng 40% GDP, trong đó, công nghiệp chế tạo chiếm trên 60% của công nghiệp; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 50% GDP.

(ii) Các tiêu chí phản ánh trình độ phát triển xã hội, bao gồm:

- Chỉ số phát triển con người (HDI), với định lượng là trên 0,70



(ở mức cao).

- Hệ số GINI, trong khoảng 33,0-38,0 (Nguyễn Kế Tuấn, 2013, tr.72-74).

Tiêu chí nước công nghiệp là cơ sở xác định mức độ hoàn thành CNH: nước công nghiệp là nước đã hoàn thành CNH, nghĩa là hoàn thành quá trình chuyển đất nước từ trình độ nền kinh tế nông nghiệp lên trình độ nền kinh tế công nghiệp. Trong bối cảnh của thời đại ngày nay và của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, một nước hoàn thành CNH phải là nước CNHĐ phù hợp với trình độ chung của thế giới đương đại.

Yêu cầu của nước CNHĐ về nguồn nhân lực

Trong xã hội hiện đại, nguồn nhân lực (NNL) là nguồn lực quan trọng nhất đối với sự phát triển đối với mọi quốc gia dân tộc, bởi phải có con người có trình độ, khả năng mới khai thác tốt các nguồn lực khác. Yêu cầu của NCNHĐ đối với NNL là: (i) Phải đảm bảo đủ số lượng. Để có đủ số lượng cho NCNHĐ phải tăng cường đào tạo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao; đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân trí thức, các loại lao động tri

tuệ ...; (ii) Phải có chất lượng cao, tức là phải có tri thức, kiến thức chuyên môn kỹ thuật, kinh tế ... và có năng lực hoạt động tốt, có sự nhạy bén, thích nghi nhanh, làm chủ khoa học và công nghệ và có năng lực hội nhập ... Phải có sức khỏe sung mãn, hoàn thiện về mặt thể chất và tinh thần, có sự dẻo dai của hệ thần kinh, niềm tin và ý chí, có khả năng thích ứng với những điều kiện khó khăn của cuộc sống; và (iii) Phải có cơ cấu NNL hợp lý về độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ đào tạo ... giữa các ngành, các vùng, các khu vực trong nền kinh tế quốc dân.

Để có NNL đáp ứng yêu cầu của NCNHĐ như ở trên đòi hỏi phải phát triển giáo dục đào tạo, coi giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu.

2. Giáo dục-đào tạo với phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nước công nghiệp hiện đại của Hàn Quốc

Thứ nhất, coi trọng phát triển giáo dục.

Đối với người dân Hàn Quốc: “Biết nhiều là sức mạnh”, “Phải học thì mới sống được”. Khẩu hiệu “Giáo dục thay đổi số phận” đã

thúc đẩy các tầng lớp xã hội tham gia vào các hoạt động dạy và học phát triển mạnh mẽ.

Chính phủ Hàn Quốc coi trọng phát triển giáo dục, coi giáo dục là chìa khóa dẫn đến thành công thông qua việc ban hành chính sách giáo dục miễn phí và bắt buộc cho tới hết trung học. Theo OECD, năm 2007 có 100% trẻ em đến tuổi đi học, 97% thanh niên Hàn Quốc học hết phổ thông trung học, sau đó khoảng 70% học lên các cấp cao hơn.

Thứ hai, chính sách giáo dục đào tạo nghề được xây dựng phù hợp với đòi hỏi của nền kinh tế.

Đây là nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển NNL của quốc gia này. Năm 1950, chính phủ Hàn Quốc chủ trương xóa mù chữ cho toàn dân. Những năm sau đó, hệ thống giáo dục dần dần được đẩy mạnh, như: (i) Phát triển hệ thống giáo dục hướng nghiệp ở các trường trung học (năm 1960). Đạo luật đào tạo nghề ra đời năm 1967 đã khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề nhằm tạo ra lực lượng lao động có kỹ năng mà các doanh nghiệp có nhu cầu; (ii) Các trường và các trung tâm dạy nghề phát triển nhanh vào mở rộng trong những năm 1970. Đồng thời, Hàn Quốc tăng cường hợp tác với các nước: Mỹ, Đức, Nhật, Bỉ ... đào tạo giáo viên hướng dẫn nhằm tạo “khung” hệ thống đào tạo nghề; (iii) Thời kỳ 1980-1990, nền công nghiệp hướng vào phát triển các ngành công nghiệp dựa vào thông tin, tri thức và công nghệ cao. Vì thế, đào tạo nghề tập trung vào đào tạo lao động kỹ thuật có trình độ cao; và (iv) Từ những năm 1990 trở đi, chính phủ Hàn Quốc có định hướng chiến lược phát triển 10

ngành công nghiệp chủ lực¹ làm động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, các hoạt động nghiên cứu và giáo dục trên lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ, nâng cao chất lượng giáo dục và học tập suốt đời, được đẩy mạnh. Năm 1992, Hàn Quốc thực hiện cải cách giáo dục với mục tiêu tái cấu trúc hệ thống giáo dục hiện có thành hệ thống giáo dục mới bảo đảm cho người dân được học tập suốt đời. Tháng 12/2001, Chính phủ Hàn Quốc công bố chiến lược quốc gia lần thứ nhất về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2001-2005. Tiếp đó, Chiến lược quốc gia về phát triển NNL lần thứ 2 được xây dựng và thực hiện hiệu quả. Nội dung chính của các chiến lược này đề cập tới sự tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp, các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu; nâng cao trình độ sử dụng, quản lý NNL, nâng cao tính chuyên nghiệp của NNL trong khu vực công; xây dựng hệ thống đánh giá, quản lý kiến thức, kỹ năng và công việc, xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin cho phát triển NNL, xây dựng và phát triển thị trường tri thức (Trần Anh Phương, 2009).

Thứ ba, phát triển giáo dục đại học.

Giáo dục đại học, năm 1945 sau khi giành được độc lập Hàn Quốc chỉ có 7.819 sinh viên, nhưng đến năm 1998, tỷ lệ ghi danh đại học đạt 98%, cao nhất trong các nước OECD. Năm học 2006-2007, tại

Hàn Quốc có gần 400 cơ sở giảng dạy đại học với khoảng 3,5 triệu sinh viên và gần 60 nghìn giảng viên. Tổng số học viên cao học và nghiên cứu sinh lên đến 300.000 người, trong đó có hơn 132.000 là nữ (Trần Anh Phương, 2009).

Trong danh sách 200 trường đại học hàng đầu thế giới do Tổ chức Quacquarelil Symad xếp hạng, thì có 5 trường đại học của Hàn Quốc trong danh sách này (Đại học quốc gia Seoul, xếp thứ 50; Đại học Kaist xếp thứ 79; Đại học Postech thứ 112; Yonsei thứ 142 và Đại học mở Hàn Quốc thứ 191).

Thứ tư, cải cách giáo dục là nhiệm vụ thường xuyên của Hàn Quốc.

Theo Trần Anh Phương, 2009, từ lâu Hàn Quốc đã có truyền thống đề cao giáo dục, coi đây là phương tiện để hoàn thiện con người, phát triển NNL và là động lực để phát triển đất nước. Ngay sau khi Nhà nước Đại Hàn dân quốc được thành lập (năm 1948), Chính phủ bắt đầu xây dựng hệ thống giáo dục hiện đại (mô hình giáo dục kiểu Mỹ và phương Tây) và từ đó đến nay, Hàn Quốc trở thành nước có nền giáo dục phát triển cao và đó là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nên “Kỳ tích sông Hàn” khiến cho cả thế giới khâm phục. Song hiện nay Hàn Quốc vẫn phải tiếp tục thực hiện cải cách giáo dục lần thứ 6.

Mục tiêu của cải cách giáo dục lần này là nhằm xây dựng một nền giáo dục mở tạo cơ hội cho mọi người được học tập suốt đời để họ có thể trở thành con người mới có đủ tri thức, năng lực đáp ứng được đòi hỏi của “xã hội thông tin” và toàn cầu hóa.

Để đạt được mục tiêu này, phương hướng của cải cách giáo

dục là: (i) Chuyển từ nền giáo dục lấy trung tâm là thầy sang nền giáo dục mới lấy trung tâm là trò; (ii) Chuyển từ giáo dục đồng bộ sang giáo dục đa dạng hóa, đặc trưng hóa; (iii) Chuyển từ quản lý giáo dục trên cơ sở quy chế, mệnh lệnh sang quản lý giáo dục trên nền tảng tự giác và trách nhiệm; (iv) Chuyển từ giáo dục bắt buộc sang giáo dục tự do, bình đẳng và cân đối; (v) Chuyển từ giáo dục truyền thống với bảng đen, phấn trắng sang giáo dục mở thông qua mạng thông tin – số hóa; và (vi) Hướng tới một nền giáo dục chất lượng cao, đạt ngang trình độ giáo dục của các nước phát triển cao trong thời gian ngắn nhất.

Theo phương hướng trên, cải cách giáo dục hiện nay ở Hàn Quốc được thực hiện cả về hệ thống giáo dục, chương trình giáo dục, hệ thống quản lý giáo dục, đồng thời sửa đổi cơ chế chính sách giáo dục, đổi mới ý thức và quan niệm về giáo dục trong nhân dân và các tổ chức, cải cách giáo dục là nhiệm vụ của toàn dân.

Thứ năm, thu hút nhân tài và đầu tư mạnh cho phát triển khoa học – công nghệ và giáo dục.

Với mục tiêu phát triển đất nước thành nước CNHĐ, những năm 60 của thế kỷ XX, người đứng đầu Chính phủ Hàn Quốc đã đề ra việc “phát triển công nghệ và thu hút nhân tài” như là một phần của kế hoạch phát triển quốc gia. Theo đó, các nhà lãnh đạo các công ty, các doanh nghiệp sẵn sàng thực hiện các cam kết phát triển công nghệ. Sự đồng thuận của cả nước về phát triển công nghệ dẫn đến sự gia tăng đầu tư cho nghiên cứu công nghệ. Tỷ lệ đầu tư cho công nghệ năm 1963 là 0,24% GDP, đến năm 2009 là 3,57% GDP (ThS. NCS.

¹ 10 ngành công nghiệp chủ lực được lựa chọn: (1) Nhà thông minh, (2) Các thiết bị kỹ thuật số; (3) Giải pháp phần mềm; (4) Robot tiên tiến; (5) Hàng bán dẫn thế hệ mới; (6) Truyền hình kỹ thuật số, màn hình; (7) Các dịch vụ viễn thông thế hệ mới; (8) Công nghiệp chế tạo ô tô; (9) Áo quy nạp lại; (10) Thuốc sinh học. (TS Dương Đình Giám, 2013).

Mai Công Quyền và ThS. Nguyễn Thị Tùng Phương, 2013, tr.359). Việc đầu tư lớn cho khoa học và công nghệ góp phần duy trì, nuôi dưỡng và phát huy tài năng của các nhà khoa học, các nhà kỹ thuật ..., đội ngũ nhân lực khoa học - công nghệ chất lượng cao. Điều này nói lên rằng đầu tư cho khoa học công nghệ là đầu tư vào phát triển nhân lực chất lượng cao.

Bên cạnh việc đầu tư mạnh để phát triển khoa học công nghệ góp phần phát triển nhân lực chất lượng cao, Hàn Quốc có chiến lược thu hút, sử dụng nhân tài, hạn chế chảy máu chất xám, chính sách hỗ trợ các nhà khoa học Hàn Quốc ở nước ngoài bằng nhiều chính sách ưu đãi. Với chính sách này, Hàn Quốc hạn chế được sự lãng phí đầu tư cho giáo dục và góp phần tăng năng lực cạnh tranh của quốc gia.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Tỷ lệ dành cho giáo dục vào cuối thập niên 1950 chỉ có dưới 10% ngân sách nhà nước, nhưng đã tăng liên tục 15-18% trong thập niên 1960 và 19-20% trong đầu thập niên 1980 ... Do đó nền giáo dục Hàn Quốc được OECD đánh giá và xếp hạng thứ 3 trong số những nền giáo dục tốt nhất thế giới.

3. Những gợi mở đối với VN

Một là, kinh nghiệm tiến hành CNH của các nước NICs nói chung, Hàn Quốc nói riêng cho thấy một trong các điều kiện nền tảng để một nước đang phát triển (trong đó có VN) có thể rút ngắn quá trình CNH, HĐH nhằm xây dựng, phát triển nước CNHĐ là phát triển NNL có tri thức thông qua phát triển giáo dục đào tạo và khoa học-công nghệ. Kinh nghiệm Hàn Quốc chỉ ra có cơ chế chính

sách động viên mọi nguồn lực của xã hội vào thực hiện mục tiêu mà được xã hội đồng thuận, nhất là phát triển và sử dụng NNL, tạo quan hệ lành mạnh giữa doanh nghiệp và nhà nước là điều kiện để phát triển bền vững.

Hai là, trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến thành công của quá trình phát triển nước CNHĐ của Hàn Quốc, chúng ta thấy một vòng tròn tương tác lẫn nhau làm nên thành công của công cuộc phát triển đất nước là: Tư duy chiến lược của lãnh đạo – giáo dục, phát triển NNL-khoa học và công nghệ - công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó, giáo dục và khoa học công nghệ cao có sự ảnh hưởng lẫn nhau trong việc duy trì và thúc đẩy phát triển lẫn nhau. Tầm nhìn chiến lược phát triển giáo dục, phát triển nguồn nhân lực và khoa học-công nghệ có mối quan hệ vòng tròn tương tác nhau.

Ba là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Trong tổng thể các vấn đề về phát triển NNL cần giải quyết vấn đề cơ bản: Đẩy mạnh cải cách hệ thống giáo dục quốc dân ở tất cả các cấp học một cách thường xuyên và phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Phương châm cơ bản của cải cách giáo dục là “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng xã hội học tập suốt đời”. Điều này có nghĩa là trong khi coi trọng phát triển giáo dục đại chúng, tạo nền tảng đào tạo căn bản NNL, phải xác định được những đối tượng trọng điểm cần được ưu tiên đào tạo để có được đội ngũ công nhân kỹ thuật trình độ tay nghề cao, các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà kinh doanh, nhà quản lý giỏi ... Để thực hiện yêu cầu đó thì phát triển giáo dục

là quốc sách hàng đầu, đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó đổi mới chương trình đào tạo, cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên, đổi mới phương pháp dạy và học là những khâu then chốt.

Bốn là, giáo dục và đào tạo nghề đáp ứng cho sự phát triển công nghiệp hiện đại và gắn với nhu cầu của người sử dụng lao động.

Chính sách giáo dục đào tạo nghề của Hàn Quốc được xây dựng phù hợp với các giai đoạn phát triển của nền công nghiệp quốc gia trong từng thời kỳ phát triển. Đây là một nội dung quan trọng của Chiến lược phát triển NNL của quốc gia này và nhằm tạo ra một lực lượng lao động có kỹ năng mà doanh nghiệp cần, khắc phục sự mất cân đối trong đào tạo nghề.

Đây là gợi ý hay cho VN để khắc phục tình trạng mất cân đối về cơ cấu đào tạo. Trong khi trên thế giới tỷ lệ lao động có trình độ đại học-trung cấp-công nhân là 1-4-10 thì ở VN là 1-0,98-3,02. Ở VN hiện nay mất cân đối các ngành học ở bậc đại học: Thừa cử nhân luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, và đang thiếu nhiều kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ khoa học cơ bản. Phương thức đào tạo có nhiều khiếm khuyết: Đào tạo thợ, lý thuyết nhiều hơn tay nghề, các doanh nghiệp khi sử dụng phải đào tạo lại ...

Năm là, thu hút nhân tài và hạn chế chảy máu chất xám.

(Xem tiếp trang 96)